

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2016/TLST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Quết định tạm đình chỉ ngày 29/9/2016; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án ngày 09/8/2017).

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N, địa chỉ: 198 đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L – Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K (văn bản ủy quyền số: 225 ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Ông L ủy quyền lại cho ông Phan Văn T, phó trưởng phòng khách hàng tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền số: 22/2016/NHNT.KT.UQ ngày 22/6/2016 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K).

- *Đồng bị đơn*: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1967;

Chị Bùi Thị Minh K, sinh năm 1969. Chị K ủy quyền cho anh Q tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017).

Cùng trú tại: 434 đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Trần Ngọc Q và chị Bùi Thị Minh K công nhận nợ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 20/9/2017 là: **1.160.508.334** đồng (Trong đó tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là: 160.508.334 đồng).

Anh Trần Ngọc Q và chị Bùi Thị Minh K phải trả cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K số tiền nợ: **1.160.508.334** (Một tỷ, một trăm sáu mươi triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba tư) đồng nêu trên và tiền lãi suất phát sinh từ **sau** ngày **20/9/2017** đến khi trả hết nợ.

- Ngân hàng được quyền bán tài sản thế chấp, gồm: Lô đất diện tích 169,8m² và các tài sản gắn liền với đất tại thửa số 22, tờ bản đồ số 21, địa chỉ số: 434 đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (*theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 29/10/NHNT ngày 29/10/2015 giữa Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh K – Phòng giao dịch T với anh Trần Ngọc Q và chị Bùi Thị Minh K*) để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên.

Anh Trần Ngọc Q và chị Bùi Thị Minh K phải giao tài sản thế chấp trên cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K vào ngày 30/12/2017 để Ngân hàng thực hiện quyền bán tài sản như đã thỏa thuận.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ **sau** ngày **20/9/2017** chị K và anh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi xuất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

*** Án phí:** Áp dụng Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Trần Ngọc Q và chị Bùi Thị Minh K phải nộp: **23.407.625** (Hai ba triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm hai lăm) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K số tiền **14.552.000** (Mười bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng số: 0000425 ngày 30/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng
- TAND tỉnh Kon Tum
- VKSND tp. Kon Tum;
- THADS tp. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Hoài